



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VIII  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023



Thành viên hãng AGN International  
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International  
Audit | Tax | Advisory

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 19

123  
G T  
HH  
TO  
C  
ÂN



Số: 013103/2024/BCKT-iCPA

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Chủ tịch và Giám đốc  
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Hàng hải Khu vực VIII**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Hàng hải Khu vực VIII (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 01 năm 2024, từ trang 4 đến trang 19, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Giám đốc**

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Nguyễn Như Phương**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2021-2023-072-01  
Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2024

**Kiều Mạnh Long**  
Kiểm toán viên  
Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 5727-2023-072-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>11.316.622.117</b>	<b>8.205.655.134</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>2.001.882.531</b>	<b>1.794.775.900</b>
1. Tiền	111	V.1	2.001.882.531	1.794.775.900
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>7.500.000.000</b>	<b>5.500.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	7.500.000.000	5.500.000.000
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>862.421.427</b>	<b>282.041.671</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	546.485.267	154.285.036
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	315.936.160	127.756.635
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.5</b>	<b>22.244.101</b>	<b>20.321.590</b>
1. Hàng tồn kho	141		22.244.101	20.321.590
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>930.074.058</b>	<b>608.515.973</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	219.381.197	15.721.807
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		523.861.019	370.014.777
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9a	186.831.842	222.779.389
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>14.184.744.385</b>	<b>15.147.379.054</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.000.000</b>	<b>3.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	3.000.000	3.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>13.189.943.424</b>	<b>14.334.758.014</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	13.189.943.424	14.334.758.014
- Nguyên giá	222		24.883.368.710	24.883.368.710
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.693.425.286)	(10.548.610.696)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>991.800.961</b>	<b>809.621.040</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	991.800.961	809.621.040
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>25.501.366.502</b>	<b>23.353.034.188</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>3.215.366.502</b>	<b>1.067.034.188</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.215.366.502</b>	<b>1.067.034.188</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	380.327.817	175.258.817
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9b	485.847.551	70.787.609
3. Phải trả người lao động	314		1.348.190.703	641.531.325
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	23.000.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		5.945	5.945
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.000.994.486	156.450.492
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>22.286.000.000</b>	<b>22.286.000.000</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.10</b>	<b>22.286.000.000</b>	<b>22.286.000.000</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		22.286.000.000	22.286.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>25.501.366.502</b>	<b>23.353.034.188</b>

  
 Trần Thị Thu Trang  
 Người lập

  
 Nguyễn Thị Yên  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Hoài Anh  
 Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 31 tháng 01 năm 2024



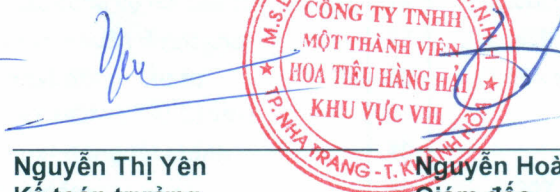
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		15.801.666.591	11.827.462.838
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	15.801.666.591	11.827.462.838
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	10.334.513.903	8.685.188.206
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.467.152.688	3.142.274.632
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	485.231.770	243.168.510
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	4.681.701.815	3.260.157.930
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.270.682.643	125.285.212
8. Thu nhập khác	31		20.000	17.980.000
9. Chi phí khác	32		-	-
10. Lợi nhuận khác	40		20.000	17.980.000
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.270.702.643	143.265.212
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	259.508.649	24.515.042
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.011.193.994	118.750.170



Trần Thị Thu Trang  
Người lập



Nguyễn Thị Yên  
Kê toán trưởng



Nguyễn Hoài Anh  
Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 31 tháng 01 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023


Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	1.270.702.643	143.265.212
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1.144.814.590	1.238.585.400
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(485.231.770)	(243.168.510)
<b>II. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>1.930.285.463</b>	<b>1.138.682.102</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(622.388.041)	(97.923.639)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(1.922.511)	6.556.340
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	1.293.117.564	177.080.997
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(385.839.311)	161.622.561
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(73.837.893)	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(341.650.000)	(144.428.445)
<b>III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>1.797.765.271</b>	<b>1.241.589.916</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(11.461.000)
Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(7.000.000.000)	(5.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	5.000.000.000	3.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	409.341.360	206.886.318
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.590.658.640)</b>	<b>(2.304.574.682)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>207.106.631</b>	<b>(1.062.984.766)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>1.794.775.900</b>	<b>2.857.760.666</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>2.001.882.531</b>	<b>1.794.775.900</b>

  
 Trần Thị Thu Trang  
 Người lập

  
 Nguyễn Thị Yên  
 Kế toán trưởng



  
 Nguyễn Hoài Anh  
 Giám đốc  
 Khánh Hòa, ngày 31 tháng 01 năm 2024



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Một thành viên Hoa Tiêu Hàng hải Khu vực VIII (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200767748 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2010 và các lần sửa đổi. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 03 ngày 02 tháng 04 năm 2016.

Công ty có tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài: THE EIGHTH ZONE MARITIME PILOTAGE SINGER - MEMBER LIMITED LIABILITY COMPANY.

Trụ sở chính của Công ty tại CL8 Đại Lộ Nguyễn Tất Thành, Hòn Rớ II, Xã Phước Đồng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 02 tháng 04 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 22.286.000.000 đồng (Hai mươi hai tỷ hai trăm tám mươi sáu triệu đồng).

Toàn bộ vốn điều lệ của Công ty được góp bởi Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam. Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam hoạt động theo theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500101379 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 02 tháng 07 năm 2010.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Cung ứng dịch vụ dẫn dắt tàu biển ra vào cảng trong các vùng hoa tiêu hàng hải bắt buộc hoặc tuyến dẫn tàu được giao thuộc địa phận hai tỉnh Khánh Hòa và Ninh Thuận.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Cung ứng dịch vụ dẫn dắt tàu biển ra vào cảng trong các vùng hoa tiêu hàng hải bắt buộc hoặc tuyến dẫn tàu được giao; đại lý tàu biển và dịch vụ hàng hải; kinh doanh dịch vụ tàu lai;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: cho thuê phương tiện và tài sản.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**5. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

**6. Nhân viên**

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 33 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 35 người).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	06 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	07 - 10 năm
Phương tiện vận tải	03 - 15 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 08 năm

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, tiền bảo hiểm và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành. Thời gian phân bổ từ 12 đến 36 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Ghi nhận doanh thu và chi phí**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Giá vốn cung cấp dịch vụ được ghi nhận và tập hợp theo toàn bộ chi phí công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí nhân công, chi phí dịch vụ khác phát sinh, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

**Ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	13.828.377	25.492.474
Tiền gửi ngân hàng	1.988.054.154	1.769.283.426
<b>Cộng</b>	<b>2.001.882.531</b>	<b>1.794.775.900</b>

**2. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	7.500.000.000	5.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>7.500.000.000</b>	<b>5.500.000.000</b>

(\*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại ngân hàng Liên doanh Việt Nga - chi nhánh Khánh Hòa với số tiền 2.000.000.000 đồng, lãi suất tiền gửi là 7,5%/năm.

(\*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - chi nhánh Khánh Hòa với số tiền 5.500.000.000 đồng, lãi suất tiền gửi từ 6,8%/năm đến 8,1%/năm..

**CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VIII**

Khu CL8 Đại lộ Nguyễn Tất Thành, Hòn Rở II,  
Xã Phước Đồng, Thành phố Nha Trang,  
Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành kèm theo

Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Vân Phong Logistics	176.179.890	-
Chi nhánh Công ty CP Đại lý hàng hải Việt Nam - Đại lý hàng hải Nha Trang	103.700.701	-
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng	60.480.000	21.924.000
Phải thu ngắn hạn các khách hàng khác	206.124.676	132.361.036
<b>Cộng</b>	<b>546.485.267</b>	<b>154.285.036</b>

**4. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Phải thu ngắn hạn khác	315.936.160	127.756.635
- Lãi dự thu ngân hàng	156.186.301	80.295.891
- Khác	159.749.859	47.460.744
<b>Cộng</b>	<b>315.936.160</b>	<b>127.756.635</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	3.000.000	3.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.000.000</b>	<b>3.000.000</b>

**5. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	22.244.101	-	20.321.590	-
<b>Cộng</b>	<b>22.244.101</b>	<b>-</b>	<b>20.321.590</b>	<b>-</b>

**6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	39.898.699	-
- Chi phí mua bảo hiểm	5.566.844	5.554.613
- Chi phí khác	173.915.654	10.167.194
<b>Cộng</b>	<b>219.381.197</b>	<b>15.721.807</b>
<b>b. Chi phí trả trước dài hạn</b>		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	186.043.528	106.269.103
- Chi phí mua bảo hiểm	242.643.660	92.294.107
- Chi phí khác	563.113.773	611.057.830
<b>Cộng</b>	<b>991.800.961</b>	<b>809.621.040</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	12.086.058.215	450.931.000	12.028.739.264	317.640.231	24.883.368.710
Số dư cuối năm	12.086.058.215	450.931.000	12.028.739.264	317.640.231	24.883.368.710
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	2.516.900.236	392.631.000	7.362.528.289	276.551.171	10.548.610.696
Khấu hao trong năm	325.147.680	31.800.000	781.463.422	6.403.488	1.144.814.590
Số dư cuối năm	2.842.047.916	424.431.000	8.143.991.711	282.954.659	11.693.425.286
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	9.569.157.979	58.300.000	4.666.210.975	41.089.060	14.334.758.014
Tại ngày cuối năm	9.244.010.299	26.500.000	3.884.747.553	34.685.572	13.189.943.424

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 2.671.150.043 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 2.175.522.861 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**8. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Hoàng Phát Nha Trang	251.989.500	251.989.500	172.170.500	172.170.500
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Hưng Đại Long	108.940.057	108.940.057	-	-
Phải trả người bán các đối tượng khác	19.398.260	19.398.260	3.088.317	3.088.317
<b>Cộng</b>	<b>380.327.817</b>	<b>380.327.817</b>	<b>175.258.817</b>	<b>175.258.817</b>

**9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số cuối năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ bù trừ trong năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	10.000.000	-	-	10.000.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	24.780.545	-	24.780.545
Tiền thuê đất	176.831.842	11.167.002	-	187.998.844
<b>Cộng</b>	<b>186.831.842</b>	<b>35.947.547</b>	<b>-</b>	<b>222.779.389</b>
<b>b. Các khoản phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	329.437.934	329.437.934	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	160.890.211	234.728.104	73.837.893	-
Thuế thu nhập cá nhân	324.957.340	363.051.053	108.881.322	70.787.609
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>485.847.551</b>	<b>930.217.091</b>	<b>515.157.149</b>	<b>70.787.609</b>



**CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VIII**  
 Khu CL8 Đại lộ Nguyễn Tất Thành, Hòn Rớ II, Xã Phước Đồng  
 Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN  
 Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**10. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>22.286.000.000</b>	-	<b>22.286.000.000</b>
Lợi nhuận trong năm	-	118.750.170	118.750.170
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động			
- Khen thưởng	-	(83.125.119)	(83.125.119)
- Phúc lợi	-	(35.625.051)	(35.625.051)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>22.286.000.000</b>	-	<b>22.286.000.000</b>
Lợi nhuận trong năm	-	1.011.193.994	1.011.193.994
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động (*)			
- Khen thưởng	-	(873.813.674)	(873.813.674)
- Phúc lợi	-	(611.669.572)	(611.669.572)
Trích quỹ khen thưởng người quản lý (*)	-	(262.144.102)	(262.144.102)
	-	(137.380.320)	(137.380.320)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>22.286.000.000</b>	-	<b>22.286.000.000</b>

(\*) Công ty trích quỹ theo Quyết định số 109/QĐ - CTHTHHKVIII ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Giám đốc Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VIII, trích quỹ khen thưởng người quản lý: 137.380.320 đồng và quỹ khen thưởng, phúc lợi người lao động: 873.813.674 đồng (trong đó quỹ khen thưởng 70% và quỹ phúc lợi 30%).

**b. Chi tiết vốn điều lệ của Công ty**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam	22.286.000.000	22.286.000.000
	<b>22.286.000.000</b>	<b>22.286.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.801.666.591	11.827.462.838
Trong đó:		
- Doanh thu dịch vụ hoa tiêu	15.241.575.698	11.377.212.848
- Doanh thu khác	560.090.893	450.249.990
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>15.801.666.591</b>	<b>11.827.462.838</b>

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	10.334.513.903	8.685.188.206
<b>Cộng</b>	<b>10.334.513.903</b>	<b>8.685.188.206</b>

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	485.231.770	243.168.510
<b>Cộng</b>	<b>485.231.770</b>	<b>243.168.510</b>

**4. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.102.540.877	2.212.941.224
Chi phí đồ dùng văn phòng	78.456.307	93.592.044
Chi phí khấu hao TSCĐ	331.551.168	331.749.185
Thuế, phí và lệ phí	14.167.002	16.697.002
Chi phí dịch vụ mua ngoài	144.301.110	136.945.635
Chi phí bằng tiền khác	1.010.685.351	468.232.840
<b>Cộng</b>	<b>4.681.701.815</b>	<b>3.260.157.930</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**5. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng thu nhập trước thuế thu nhập doanh nghiệp	1.270.702.643	143.265.212
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	1.443.000	4.707.600
<i>Cộng: Chi phí không được trừ</i>	1.443.000	4.707.600
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>1.272.145.643</b>	<b>147.972.812</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế TNDN hiện hành</b>	<b>254.429.129</b>	<b>24.515.042</b>
Bổ sung thuế TNDN năm 2022	5.079.520	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>259.508.649</b>	<b>24.515.042</b>

**6. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.989.757.056	3.126.767.048
Chi phí nhân công	8.525.405.754	5.992.272.215
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.144.814.590	1.238.585.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	182.591.830	173.922.208
Chi phí khác bằng tiền	2.173.646.488	1.413.799.265
<b>Cộng</b>	<b>15.016.215.718</b>	<b>11.945.346.136</b>

**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**1. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Bên liên quan**

Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam  
 Chủ tịch và Giám đốc Công ty

**Mối quan hệ**

Chủ sở hữu

Thu nhập của Chủ tịch và Giám đốc Công ty trong năm:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền lương và thù lao	602.693.504	511.216.191
<b>Cộng</b>	<b>602.693.504</b>	<b>511.216.191</b>

**CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VIII**

Khu CL8 Đại lộ Nguyễn Tất Thành, Hòn Rỏi II,  
Xã Phước Đồng, Thành phố Nha Trang,  
Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành kèm theo  
Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**2. SỰ KIẾN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.



**Trần Thị Thu Trang**  
Người lập



**Nguyễn Thị Yên**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Hoài Anh**  
Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 31 tháng 01 năm 2024